

Bản án số: 21/2025/HS- PT
Ngày: 19/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản.

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn và ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2025/TLPT-HS ngày 04/02/2025 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S đối với bản án hình sự sơ thẩm số 355/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

***Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Thị T, sinh ngày 05/6/1990 tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn D (đã chết); Con bà: Trần Thị H; C số như vợ chồng với Nguyễn Mạnh H1 và có 02 con; chồng là Ngô Đức L1; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Viết L, sinh ngày 10/4/1987 tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề Nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Viết T1; Con bà: Nguyễn Thị S1; Vợ: Trần Thị H2 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ ngày 16/6/2005 của Công an thành phố T xử phạt hành chính 125.000đ (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh nhau”. Đã nộp phạt ngày 24/6/2005.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Xuân S, sinh ngày 08/9/1983 tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn H3 (đã chết); Con bà: Phạm Thị L2; Vợ: Nguyễn Thị H4 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 03.

Ngày 01/7/2002, có hành vi “Xúi giục người khác đánh nhau, gây mất trật tự công cộng”, bị Công an phường H, TP ., tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 50.000 đồng. Nộp phạt hành chính ngày 26/8/2002.

Ngày 12/6/2007, “Mua băng đĩa có nội dung cấm”, Công an T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 3.500.000 đồng. Nộp phạt hành chính ngày 12/5/2008.

Ngày 08/9/2012, “Đánh nhau”, Công an phường H, TP T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 750.000 đồng. Nộp phạt hành chính ngày 14/5/2013.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị (Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T làm nghề bán hàng ăn sáng và nước giải khát tại quán B1, thuộc tổ D, phường H, thành phố T, do muốn có thêm thu nhập, T đã lợi dụng mối quan hệ của mình để mua, bán các số lô số đề cho khách và chuyển đi để hưởng tiền chênh lệch, có ngày T không chuyển đi mà giữ lại tự trả thưởng cho khách nếu khách trúng thưởng. Để thực hiện hành vi của mình, T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu đen, số IMEI 1: 8666 8605 7301 599, số IMEI 2: 8666 8605 7301 581, lắp sim số 0862.235.690 và 0366.250.182 nhắn tin qua ứng dụng SMS hoặc Zalo, đăng ký bằng số thuê bao 0366.250.182. Từ tháng 10/2023 đến ngày 21/12/2023, T đã nhắn tin mua bán số lô, số đề với các đối tượng: Ngô Đức L1 có số thuê bao 0986.065.069; Ngô Lan P có số thuê bao 0987.634.666; Cao Chí H5 có số thuê bao 0969.414.893; Nguyễn Tiến Đ có số thuê bao 0983.421.696; Nguyễn Anh N có số thuê bao 0915.637.906. Sau đó, T đã chuyển số lô, số đề đã mua trong ngày cho Trần Viết L có số thuê bao 0375.688.102 và một người tên B (không xác định được nhân thân, lai lịch có số

thuê bao 0326.293.997, T lưu trong danh bạ là “Chi Tinh D” để hưởng tiền chênh lệch là 800 đồng/ 1 điểm lô và 15% số tiền bán số đề.

Trong quá trình điều tra các đối tượng Ngô Đức L1, Ngô Lan P, Cao Chí H5, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Anh N và Trần Viết L đã khai nhận việc mua, bán số lô, số đề và kê khai số lô, số đề đã mua, bán với Trần Thị T, đồng thời tự nguyện giao nộp điện thoại của bản thân đã sử dụng vào việc mua bán số lô, số đề cho Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ nội dung vụ án. Ngoài ra, Ngô Đức L1 còn khai nhận thực hiện hành vi bán số lô qua ứng dụng Zalo, đăng ký số 0986.065.069 với Phạm Xuân S có số thuê bao 0986.516.839 và bán số đề qua ứng dụng tin nhắn điện thoại với Nguyễn Văn K có số thuê bao 0987.888525. Trần Viết L khai nhận còn thực hiện hành vi bán số lô qua ứng dụng Zalo với Hoàng Văn T2 có số thuê bao 0914.787.397.

Về hình thức đánh bạc (mua, bán số lô, số đề) được các đối tượng quy ước như sau:

Đối với số đề, người mua sẽ chọn mua một hoặc nhiều số bất kỳ từ 00 đến 99 với giá tiền tùy ý, sau đó so sánh số đề đã mua với 02 số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày. Nếu trúng thưởng, người mua sẽ được số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó.

Đối với số lô, người mua chọn mua một hoặc nhiều số bất kỳ từ 00 đến 99 với số điểm lô tùy ý (giá bán lô tùy theo quy ước của hai bên: T bán cho L1, P, H5, Đ với giá 22.500 đồng / 1 điểm lô; T chuyển cho L và B với giá 21.700 đồng/ 1 điểm lô; L1 bán cho S với giá: 22.500 đồng / 1 điểm lô; Lập bán cho T2 với giá 22.000 đồng / 1 điểm lô). Sau đó, sẽ so sánh số lô đã mua với hai số cuối của 27 giải xổ số kiến thiết miền B ngày hôm đó. Nếu trúng thưởng, người mua sẽ được số tiền 80.000 đồng/01 điểm.

Đối với số lô xiên, người mua sẽ chọn cặp hai số (đối với lô xiên 2), cặp ba số (đối với lô xiên 3) bất kỳ với giá tiền tùy ý. Sau đó, so sánh cặp số đã mua với hai số cuối của 27 giải xổ số kiến thiết miền B mở thưởng hồi 18 giờ 30 cùng ngày. Nếu trúng người mua sẽ được trả thưởng số tiền gấp 10 lần số tiền đã bỏ ra mua đối với lô xiên 2 và gấp 35 lần đối với số lô xiên 3.

Đối với ba càng, người mua chọn mua số bất kỳ từ 000 đến 999 với số tiền tùy ý. Sau đó, đối chiếu số đã mua với 03 số cuối giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền B cùng ngày. Nếu trúng thưởng người chơi sẽ được số tiền gấp 350 lần số tiền đã mua.

Cách thức thanh toán số tiền đánh bạc giữa các bị cáo và đối tượng liên quan trong vụ án như sau:

Khi mua số lô, số đề với nhau thông qua tin nhắn Z, người mua không phải trả tiền ngay cho người bán, mà chỉ báo cáo số lô, số đề cần mua và tiền mua từng số; sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng trong ngày thì người bán sẽ tổng hợp lại tiền trúng thưởng của từng người mua, trừ đi số tiền

đã mua, sau đó sẽ thanh toán với nhau. Việc thanh toán tiền thắng thua do các bên tự thỏa thuận, có thể thanh toán trực tiếp hoặc có thể ngày hôm sau thanh toán hoặc cũng có thể một thời gian sau mới thanh toán.

Quá trình điều tra xác định: Với hình thức đánh bạc như trên *các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc như sau:*

- Bị cáo Trần Thị T: Ngày 07/10/2023 là 1.100.000 đồng; ngày 08/10/2023 là 300.000 đồng; ngày 15/10/2023 là 1.100.000 đồng; ngày 16/10/2023 là 250.000 đồng; ngày 17/10/2023 là 1.050.000 đồng; ngày 18/10/2023 là 1.050.000 đồng; ngày 19/10/2023 là 1.050.000 đồng; ngày 20/10/2023 là 250.000 đồng; ngày 21/10/2023 là 1.360.000 đồng; ngày 26/10/2023 là 250.000 đồng; ngày 28/10/2023 là 250.000 đồng; ngày 29/10/2023 là 1.050.000 đồng; ngày 30/10/2023 là 560.000 đồng; ngày 05/11/2023 là 1.360.000 đồng; ngày 09/11/2023 là 2.650.000 đồng; ngày 10/11/2023 là 300.000 đồng; ngày 12/11/2023 là 500.000 đồng; ngày 14/11/2023 là 1.000.000 đồng; ngày 21/11/2023 là 1.195.000 đồng; ngày 22/11/2023 là 2.325.000 đồng; ngày 23/11/2023 là 1.350.000 đồng; ngày 24/11/2023 là 1.850.000 đồng (gồm 500.000 đồng với P và 1.350.000 đồng với Đ); ngày 25/11/2023 là 2.365.000 đồng (gồm 440.000 đồng với H5 và 1.925.000 đồng với Đ); ngày 03/12/2023 là 50.000 đồng; ngày 09/12/2023 là 1.000.000 đồng (gồm 900.000 đồng với Đ và 100.000 đồng với H5); ngày 10/12/2023 là 1.495.000 đồng (gồm 500.000 đồng với P và 995.000 đồng với Đ); ngày 11/12/2023 là 440.000 đồng; ngày 12/12/2023 là 50.000 đồng; ngày 15/12/2023 là 1.300.000 đồng; ngày 18/12/2023 là **10.915.000 đồng**; ngày 19/12/2023 là 1.215.000 đồng (gồm 725.000 đồng với L1 và 490.000 đồng với H5); ngày 20/12/2023 là **16.176.600 đồng** (gồm 4.050.000 đồng với L1 và 12.126.600 đồng với L); ngày 21/12/2023 là **21.470.600 đồng** (gồm 9.532.500 đồng với L1; 11.453.100 đồng với L và 485.000 đồng với N).

- Bị cáo Ngô Đức L1: Ngày 13/12/2023 là 200.000 đồng; ngày 18/12/2023 là **19.765.000 đồng** (gồm 10.915.000 đồng với T và 8.850.000 đồng với S); ngày 19/12/2023 là 1.400.000 đồng (gồm 725.000 đồng với T và 675.000 đồng với S); ngày 20/12/2023 là **7.425.000 đồng** (gồm 4.050.000 đồng với T và 3.375.000 đồng với S); ngày 21/12/2023 là **12.907.500 đồng** (gồm 9.532.500 đồng với T và 3.375.000 đồng với S).

- Bị cáo Trần Viết L: Ngày 20/12/2023 là **12.126.600 đồng**; ngày 21/12/2023 là **20.793.100 đồng** (gồm 11.453.100 đồng với T và 9.340.000 đồng với T2).

- Bị cáo Hoàng Văn T2: Ngày 21/12/2023 là **9.340.000 đồng**.

- Bị cáo Phạm Xuân S: Ngày 18/12/2023 là **8.850.000 đồng**.

Với hành vi nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 355/2024/HSST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L và Phạm Xuân S cùng các bị cáo khác phạm tội “*Đánh bạc*”.

[2] Về hình phạt

[2.1]. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Viết L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân S 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra tòa cấp sơ thẩm quyết định tội danh, hình phạt đối với bị cáo Ngô Đức L1, Hoàng Văn T2, quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm xử xong, ngày 27/12/2024 bị cáo Trần Thị T kháng cáo xin được giảm án; ngày 31/12/2024 bị cáo Trần Viết L, Phạm Xuân S kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 17/3/2025 bị cáo Trần Thị T kháng cáo bổ sung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị T thay đổi nội dung kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo Trần Viết L, Phạm Xuân S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S, sửa bản án sơ thẩm số 355/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giữ nguyên mức án cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy

định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật trên là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân S: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa thành khẩn khai báo; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ tiền truy thu, án phí hình sự theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa bị cáo xuất trình bộ hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo đang bị ung thư tuyến giáp hiện đang xạ trị theo dõi tại bệnh viện.

3.2. Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L: Bị cáo T có nhân thân tốt, bị cáo L mặc dù là người có nhân thân bị xử phạt hành chính năm 2005 về hành vi “Đánh nhau”, tính đến ngày phạm tội đã gần 20 năm, quá trình điều tra và tại các phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo T xuất trình kết quả siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo chuẩn đoán bị cáo Trần Thị T đang mang thai 22 tuần 05 ngày nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo L xuất trình văn bản xác nhận của Công ty cổ phần G xác nhận bị cáo hiện đang là công nhân nhà máy cán thép Lưu X nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2024 được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Cả 02 bị cáo đều đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, toàn bộ tiền truy thu, bị cáo L nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của các bị cáo nên cả 02 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có đơn trình bày có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hiện đang mang thai và nuôi 02 con nhỏ, chồng bị cáo là bị cáo Ngô Đức L1 cùng bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” trong vụ án.

Với những phân tích đánh giá như trên, sau khi xem xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức án cho cả 03 bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp thể hiện tính nhân văn cũng như sự khoan hồng của pháp luật giúp các bị cáo tự cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Ghi nhận 03 bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; tiền truy thu, tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, Trần Viết L, Phạm Xuân S sửa bản án sơ thẩm số 355/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Viết L 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Trần Viết L cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân S 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Phạm Xuân S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Viết L, Trần Thị T, Phạm Xuân S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Trần Viết L đã nộp 6.920.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm, tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước theo biên lai thu số 0000851 ngày 31/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; 10 triệu đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu số 0000884 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; Trần Thị T đã nộp 23.812.200 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền truy thu theo biên lai thu số 0000853 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Phạm Xuân S đã nộp 11.675.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền truy thu theo biên lai thu số 0000883 ngày 14/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Văn Bản